

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: TRIẾT HỌC - SAU ĐẠI HỌC (Philosophy of Postgraduate Education)

- Mã số học phần: ML606
- Số tín chỉ học phần: 4 tín chỉ
- Số tiết học phần: 60 tiết.

2. Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Khoa học Chính trị

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: Môn học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

- Điều kiện song hành: Không

4. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CĐR CTĐT
4.1	Trang bị cho học viên kiến thức cơ bản có tính chất chuyên đề về Triết học Mác – Lênin Giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học làm cơ sở cho việc nghiên cứu khoa học chuyên ngành	6.1.a
4.2	Giúp học viên hình thành kỹ năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch cho bản thân trong quá trình học tập học phần. Giúp học viên vận dụng kiến thức trong học phần triết học để phân tích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội một cách có hiệu quả. Có khả năng nhận thức và vận dụng giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đối với bản thân trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác-Lênin	6.1.a
4.3	Giúp học viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, phân công, giám sát và kiểm tra tiến độ công việc cần làm của các thành viên.	6.3.a, 6.3.b
4.4	Giúp học viên có lập trường khoa học khi giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn. Giúp người học có tư duy phản biện	6.3.a, 6.3.b

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	Kiến thức		
CO1	Trang bị cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác-Lênin	4.1	6.1.a



CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
CO2	Giúp học viên hình thành thế giới quan khoa học, tư duy logic và phương pháp luận khoa học làm cơ sở cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên ngành	4.1	6.1.a
CO3	Làm chủ kiến thức triết học Mác - Lênin, có khả năng nhận thức, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học	4.1	6.1.a
	Kỹ năng		
CO4	Giúp học viên hình thành kỹ năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch cho bản thân trong quá trình học tập học phần Giúp học viên tận dụng kiến thức trong học phần triết học để phân tích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội một cách có hiệu quả Có khả năng nhận thức và vận dụng giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đối với bản thân trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin	4.2	6.1.a
CO5	Giúp học viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, phân công, giám sát và kiểm tra tiến độ công việc cần làm của các thành viên. Giúp học viên hiểu, xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm, rèn luyện kỹ năng thuyết trình và biết sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong quá trình làm việc	4.3	6.1.a
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CO6	Giúp học viên xây dựng lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin Giúp học viên hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, tự tin, trách nhiệm với công việc và có tính kỷ luật. Giúp học viên tự định hướng đưa ra quan điểm cá nhân và hình thành tư duy phản biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân đúng đắn trước tập thể.	4.4	6.3.a, 6.3.b

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các nội dung về đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất) và triết học Mác; nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ; phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

7.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	CĐR HP
Chương 1.	KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC	10	CO1; CO2
1.1.	Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	2	
1.2.	Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử	3	
1.3.	Triết học Mác- Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội	3	
1.4.	Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam	2	
Chương 2.	BẢN THỂ LUẬN	5	CO1; CO2; CO3
2.1.	Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây	1	
2.2.	Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin	3	
2.3.	Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	1	
Chương 3.	PHÉP BIỆN CHỨNG	5	CO1; CO2; CO3
3.1.	Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử	1	
3.2.	Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	3	
3.3.	Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn	1	
Chương 4.	NHẬN THỨC LUẬN	5	CO1; CO2; CO3
4.1.	Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức	1	
4.2.	Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	2	
4.3.	Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội	1	
4.4.	Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	1	
Chương 5.	HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ- XÃ HỘI	10	CO1; CO2; CO3
5.1.	Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại	2	
5.2.	Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế- xã hội	5	
5.3.	Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế- xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	3	
Chương 6	TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ	10	CO1; CO2; CO3
6.1.	Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học	3	

	Nội dung	Số tiết	CĐR HP
6.2.	Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội	3	
6.3.	Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay	4	
Chương 7	Ý THỨC XÃ HỘI	5	CO1; CO2; CO3
7.1.	Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội	2	
7.2.	Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	2	
7.3.	Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay	1	
Chương 8	TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI	10	CO1; CO2; CO3
8.1.	Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử	2	
8.2.	Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người	4	
8.3.	Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh	2	
8.4.	Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	2	

8. Phương pháp giảng dạy:

- Sử dụng tổng hợp các phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện bài giảng.

9. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo các chủ đề, câu hỏi và tham gia thảo luận trên giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên.
- Nghiên cứu viết 01 tiểu luận theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham dự thi kết thúc học phần (thi tự luận).
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

10.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần		10%	
2	Điểm bài tập		10%	
3	Điểm bài Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên)		5%	CO1; CO2; CO3
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (90 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết - Bắt buộc dự thi	10%	CO1; CO2; CO3

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Giáo trình triết học Mác – Lênin (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính	MON.064414
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007), Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nhà xuất bản Hà Nội	BMML.001243
3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn Khoa học Mác – LêNin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), Giáo trình triết học Mác – Lênin, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia	BMML.001961

12. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên Nghiên cứu trước
	Chương 1. KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC	10		
	1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	2		Tài liệu [1]; Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 5-10
	1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử	3		Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 11-13
	1.3. Triết học Mác- Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội	3		Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 13-18
	1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam	2		Tài liệu [3]: nội dung từ trang 212-232
	Chương 2. BẢN THỂ LUẬN	5		
	2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây	1		Tài liệu [1]; Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 80-156
	2.2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin	3		Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 171-226

2.3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	1	
Chương 3. PHÉP BIỆN CHỨNG	5	
3.1 Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử	1	Tài liệu [1]; Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 171-226; 310-321
3.2 Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	3	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 269-272; 321-332
3.3 Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn	1	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 332-355
Chương 4. NHẬN THỨC LUẬN	5	
4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức	1	Tài liệu [1]; Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 356-362
4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	2	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 363-380
4.3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội	1	
4.4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	1	Tài liệu [3]: nội dung từ trang 342-373
Chương 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ- XÃ HỘI	10	
5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại	2	Tài liệu [1]; Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 381-385
5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế- xã hội	5	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 382-409
5.3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế- xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	3	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 409-425
Chương 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ	10	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 426-510
6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học	3	
6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội	3	
6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở	4	

Việt Nam hiện nay	5	
Chương 7. Ý THỨC XÃ HỘI	2	Tài liệu [1];
7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội	2	
7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	2	Tài liệu [3]: nội dung từ trang 567-579
7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay	1	
Chương 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI	10	
8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử	2	Tài liệu [1]; Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 510-520
8.2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người	4	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 520-531
8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh	2	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 532-544
8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	2	Tài liệu [2]: nội dung từ Trang 544-554

Cần Thơ, ngày 06 tháng 10 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**



Mai Phi Hạp
Mai Phi Hạp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Pháp (Assessment in teaching French)**
 - Mã số học phần: SPP615
 - Số tín chỉ học phần: 03 tín chỉ
 - Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành.
2. Đơn vị phụ trách học phần:
Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ
3. Điều kiện tiên quyết:
 - Điều kiện tiên quyết: không
 - Điều kiện song hành: không
4. Mục tiêu của học phần:
 - 4.1. Kiến thức:
 - 4.1.1. Trình bày ý nghĩa, mục tiêu, quy trình, các hình thức, các phương pháp đánh giá
 - 4.1.2. Trình bày được những xu hướng mới trong kiểm tra đánh giá.
 - 4.2. Kỹ năng:
 - 4.2.1. Vận dụng được hiểu biết về kiểm tra đánh giá trong xây dựng các bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh
 - 4.2.2. Xây dựng các bài kiểm tra đánh giá
 - 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội
 - 4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
 - 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp
5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:
Học phần trang bị cho học viên một nền tảng kiến thức đầy đủ về vai trò của công tác kiểm tra đánh giá trong giáo dục, các phương pháp kiểm tra thông dụng cùng với những ưu và khuyết điểm của chúng.
6. Cấu trúc nội dung học phần:
 - 6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1.	Vị trí của công tác Đánh giá trong quá trình giáo dục		

1.1.	Cơ sở lý luận của công tác kiểm tra đánh giá	1	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2.	Mục đích, vai trò và ý nghĩa của đánh giá	1	
Chương 2. Những phương pháp và kỹ thuật kiểm tra thông dụng			
2.1.	Các phương pháp kiểm tra nói	4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Các phương pháp kiểm tra viết	4	
2.3.	Portfolio	2	
Chương 3. Thiết kế và thực hiện một quy trình đánh giá			
3.1.	Mục tiêu đánh giá	1	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá	1	
3.3.	Xây dựng cấu trúc bài kiểm tra	2	
3.4.	Tổ chức kiểm tra, đánh giá	1	
Chương 4. Các xu hướng mới trong kiểm tra đánh giá			
4.1.	Đánh giá thường xuyên thay cho đánh giá kết quả cuối cùng	1	4.1.2; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2.	Chuyển từ đánh giá như một hoạt động độc lập với hoạt động dạy học sang như một phương pháp dạy học	1	
4.3.	Chuyển từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực người học	1	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Vị trí của công tác Đánh giá trong quá trình giáo dục			
1.1.	Cơ sở lý luận của công tác kiểm tra đánh giá	1	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2.	Mục đích, vai trò và ý nghĩa của đánh giá	1	
Chương 2. Những phương pháp và kỹ thuật kiểm tra thông dụng			
2.1.	Các phương pháp kiểm tra nói	4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Các phương pháp kiểm tra viết	4	
2.3.	Portfolio	2	

Chương 3. Thiết kế và thực hiện một quy trình đánh giá

3.1. Mục tiêu đánh giá	1	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá	1	
3.3. Xây dựng cấu trúc bài kiểm tra	2	
3.4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá	1	

Chương 4. Các xu hướng mới trong kiểm tra đánh giá

4.1. Đánh giá thường xuyên thay cho đánh giá kết quả cuối cùng	1	4.1.2; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Chuyển từ đánh giá như một hoạt động độc lập với hoạt động dạy học sang như một phương pháp dạy học	1	
4.3. Chuyển từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực người học	1	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Nguyễn Công Khánh (2000). <i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục</i> , NXB Đại học Sư phạm	227126
[2] Lê Phước Lộc (2010). <i>Đánh giá kết quả học tập của học sinh</i> , NXB Đại học Cần Thơ	371.27 / L451
[3] Lê Đình Trung (2016). <i>Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông</i> , NXB Đại học Sư phạm	371.3 / Tr513

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	10	12	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	4	3	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	2	3	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 18 tháng 9 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Hương Trâm

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA



★ Tỉnh Quốc Lập

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần: Các quan điểm tiếp cận hiện đại về giảng dạy tiếng Pháp
(Modern approaches to teaching French)**

- Mã số học phần: SPP613
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày mối liên hệ giữa sự phát triển ngôn ngữ học và lý luận dạy học
- 4.1.2. Trình bày được những nét khái quát của dạy học hiện đại.

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Vận dụng được hiểu biết về các lý thuyết và phương pháp dạy học hiện đại trong xây dựng bài giảng
- 4.2.2. Thực hiện nghiên cứu về hiệu quả các phương pháp dạy học hiện đại trong bối cảnh Việt Nam
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về lịch sử phát triển của ngành lý luận dạy học ngoại ngữ qua các thời kỳ, đặc biệt là phương pháp tiếp cận hành động và định hướng phát triển năng lực trong giảng dạy ngoại ngữ, để từ đó xây dựng cho mình chiến thuật dạy học đặc thù, phù hợp với những tình huống dạy học cụ thể.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1.	Ngôn ngữ học và phương pháp dạy học ngoại ngữ		

1.1.	Ngôn ngữ miêu tả và phương pháp giảng dạy truyền thống	2	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2.	Ngôn ngữ học cấu trúc và phương pháp giảng dạy cấu trúc	2	
1.3.	Lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ học	2	
Chương 2. Khái quát về dạy học hiện đại			
2.1.	Cấu trúc quá trình dạy học	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	So sánh dạy học truyền thống và dạy học hiện đại	1	
2.3.	Vai trò của người dạy và người học trong quá trình dạy học hiện đại	1	
Chương 3. Một số lý thuyết và xu thế về dạy học hiện đại			
3.1.	Lý thuyết về dạy học kiến tạo	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Lý thuyết về dạy học hợp tác	2	
3.3.	Lý thuyết về dạy học theo hướng tiếp cận hành động	2	
3.4.	Lý thuyết về dạy học theo hướng tiếp cận năng lực	2	
Chương 4. Một số phương pháp dạy học hiện đại			
4.1.	Dạy học theo vấn đề	1	4.1.2; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2.	Dạy học theo nhóm	1	
4.3.	Dạy học theo dự án	1	
6.2. Thực hành			
	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Ngôn ngữ học và phương pháp dạy học ngoại ngữ			
1.1.	Ngôn ngữ miêu tả và phương pháp giảng dạy truyền thống	2	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2.	Ngôn ngữ học cấu trúc và phương pháp giảng dạy cấu trúc	2	
1.3.	Lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ học	2	
Chương 2. Khái quát về dạy học hiện đại			
2.1.	Cấu trúc quá trình dạy học	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	So sánh dạy học truyền thống và dạy học hiện	1	

đại
2.3. Vai trò của người dạy và người học trong quá trình dạy học hiện đại 1

Chương 3. Một số lý thuyết và xu thế về dạy học hiện đại

3.1. Lý thuyết về dạy học kiến tạo 2 4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Lý thuyết về dạy học hợp tác 2
3.3. Lý thuyết về dạy học theo hướng tiếp cận hành động 2
3.4. Lý thuyết về dạy học theo hướng tiếp cận năng lực 2

Chương 4. Một số phương pháp dạy học hiện đại

4.1. Dạy học theo vấn đề 1 4.1.2; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Dạy học theo nhóm 1
4.3. Dạy học theo dự án 1

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Đỗ Ngọc Đạt (2000). <i>Bài giảng lý luận dạy học hiện đại</i> . NXB Đại học quốc gia Hà Nội	370.1/Đ110
[2] Meier, Bernd (2014). <i>Lý luận dạy học hiện đại : Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp giảng dạy</i> , NXB Đại học Sư phạm	371.102 / M511
[3] M A Danilov (1980). <i>Lý luận dạy học của trường phổ thông. Một số vấn đề của lý luận dạy học hiện đại</i> , NXB Giáo dục	370.773 / D183

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	10	12	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	4	3	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	2	3	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 18 tháng 9 năm 2019

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA



Trịnh Quốc Lập

Nguyễn Thị Kim Lan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)

- Mã số học phần: SPP619
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày lược sử hình thành và phát triển của phân ngành ngôn ngữ học xã hội
- 4.1.2. Trình bày được những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học xã hội.
- 4.1.3. Trình bày các hệ quả sư phạm của ngôn ngữ học xã hội đối với việc dạy học ngoại ngữ ngôn ngữ

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Vận dụng được hiểu biết về các khái niệm ngôn ngữ học xã hội để phân tích các tác động của yếu tố xã hội lên ngôn ngữ
- 4.2.2. Thực hiện nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học xã hội
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ học xã hội như biến thể ngôn ngữ, chuyển đổi mã (code-switching), cộng đồng ngôn ngữ, nhân thân... và các lĩnh vực nghiên cứu chính của phân ngành ngôn ngữ này, giúp học viên có thể hiểu, giải thích được những diễn biến ngôn ngữ dưới sự tác động của nhân tố xã hội. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên phân tích mối quan hệ của ngôn ngữ học xã hội với các bộ môn khác có liên quan và đặc biệt là với lý luận dạy học ngoại ngữ.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Introduction à la sociolinguistique		
1.1. Bref aperçu historique de la sociolinguistique générale	2	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2. Les concepts clés	2	
Chương 2. Objet et démarche de la sociolinguistique		
2.1. Objet	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Démarche	1	
2.3. Les techniques d'enquête sociolinguistique	6	
Chương 3. Variation linguistique		
3.1. La variation intralinguistique ou variation dans les usages de la langue	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. La variation interlinguistique	2	
Chương 4. Politique linguistique		
4.1. Normes, norme	1	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Bilinguisme, multilinguisme, plurilinguisme	1	
4.3. Politique linguistique et enseignement des langues	2	
6.2. Thực hành		

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Introduction à la sociolinguistique		
1.1. Bref aperçu historique de la sociolinguistique générale	2	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2. Les concepts clés	2	
Chương 2. Objet et démarche de la sociolinguistique		
2.1. Objet	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Démarche	1	
2.3. Les techniques d'enquête sociolinguistique	6	
Chương 3. Variation linguistique		
3.1. La variation intralinguistique ou variation dans les usages de la langue	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. La variation interlinguistique	2	
Chương 4. Politique linguistique		
4.1. Normes, norme	1	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Bilinguisme, multilinguisme, plurilinguisme	1	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Nguyễn Văn Khang (1999). <i>Ngôn ngữ học xã hội : Những vấn đề cơ bản</i> , NXB Khoa học – Xã hội	306.44 / Kh106
[2] Nguyễn Văn Khang (2003). <i>Kế hoạch hóa ngôn ngữ : Ngôn ngữ học xã hội vi mô</i> , NXB Khoa học – Xã hội	306.44 / Kh106
[3] Trần Thanh Ái (2003). <i>Ngôn ngữ học hiện đại : Một số khái</i>	410 / A103

niệm, khuyến hướng và lĩnh vực nghiên cứu, NXB Đại học
Cần Thơ

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	10	12	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	4	3	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	2	3	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trịnh Quốc Lập

Nguyễn Thị Kim Lan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Ngôn ngữ học văn bản (Textlinguistics)

- Mã số học phần: SPP618
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày lược sử hình thành và phát triển của ngôn ngữ học văn bản
- 4.1.2. Trình bày được các khái niệm ngữ pháp cấp độ văn bản (phép tránh lặp từ, phát triển chủ đề, liên kết văn bản, tính mạch lạc nội dung, hình thức văn bản...)
- 4.1.3. Trình bày những hệ quả sư phạm của ngôn ngữ học văn bản đối với việc giảng dạy các kỹ năng Đọc – Viết

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Vận dụng được hiểu biết lý thuyết ngôn ngữ học văn bản để phân tích các văn bản
- 4.2.2. Thực hiện nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học văn bản
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học văn bản và ứng dụng của phân ngành ngôn ngữ học này trong giảng dạy các kỹ năng đọc và viết.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Champ disciplinaire			
1.1.	Texte vs discours	1	4.1.1; 4.2.3 ;

1.2. Historique de la linguistique textuelle	1	4.3.1, 4.3.2
1.3. Champ de recherche de la linguistique textuelle	1	
Chương 2. Les opérations de structuration textuelle		
2.1. Les opérations de liage	2	4.1.2; 4.2.1;
2.2. Les opérations de segmentation	2	4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.3. Référence et coréférence	1	
2.4. La contiguité sémantique	1	
2.5. La connexion textuelle	2	
2.6. La progression thématique	2	
2.7. Type de texte ou séquence textuelle ?	2	
Chương 3. Linguistique textuelle et enseignement de l'écrit		
3.1. La grammaire de texte	2	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. La grammaire de texte et l'enseignement de la lecture	2	
3.3. La grammaire textuelle et l'enseignement de la production écrite	2	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Champ disciplinaire			
1.1. Texte vs discours		1	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2. Historique de la linguistique textuelle		1	
1.3. Champ de recherche de la linguistique textuelle		1	
Chương 2. Les opérations de structuration textuelle			
2.1. Les opérations de liage		2	4.1.2; 4.2.1;
2.2. Les opérations de segmentation		2	4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.3. Référence et coréférence		1	
2.4. La contiguité sémantique		1	
2.5. La connexion textuelle		2	
2.6. La progression thématique		2	
2.7. Type de texte ou séquence textuelle ?		2	
Chương 3. Linguistique textuelle et enseignement de l'écrit			
3.1. La grammaire de texte		2	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. La grammaire de texte et l'enseignement de la lecture		2	

3.3. La grammaire textuelle et l'enseignement de la production écrite 2

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Trương Quang Đệ (1999). <i>Ngữ pháp văn bản tiếng Pháp</i> , NXB Giáo dục	448.24 / Đ250
[2] Nguyễn Hữu Chinh (2000). <i>Bài giảng ngữ pháp văn bản</i> , NXB Đại học Cần Thơ	808.0495922 / Ch312
[3] Moskelskaja, O.I. (1996). <i>Ngữ pháp văn bản</i> , NXB Giáo dục	495.922 / M911

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	4	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 10	Chương 2	10	12	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 3	5	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2020

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trịnh Quốc Lập

[Handwritten signature]
Võ Văn Chung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tương tác lời nói (Verbal interaction)

- Mã số học phần: SPP633
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày lược sử hình thành và phát triển của lĩnh vực nghiên cứu tương tác lời nói
- 4.1.2. Trình bày được những khái niệm cơ bản của tương tác lời nói
- 4.1.3. Trình bày đặc thù của tương tác lời nói trong lớp học ngoại ngữ

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Vận dụng được hiểu biết lý thuyết lời nói để phân tích các hoạt động lời nói trong các ngữ cảnh giao tiếp khác nhau (hàng ngày, nghề nghiệp, lớp học...)
- 4.2.2. Thực hiện nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực tương tác lời nói
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những khái niệm cơ bản trong lĩnh vực tương tác lời nói, cấu trúc của quá trình tương tác, những chiến thuật được áp dụng để điều chỉnh quá trình tương tác bằng lời khi giao tiếp... Học phần giúp người học hiểu rõ hơn về những cấu trúc, vai trò của quá trình tương tác lời nói, sự chuyển đổi lời nói khi giao tiếp, đồng thời phát triển kỹ năng phân tích hoạt động tương tác bằng lời thông qua các đoạn hội thoại.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung		Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Champ disciplinaire			
1.1.	L'analyse des interactions : un champ de recherche pluridisciplinaire	1	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2.	Quelques concepts clés	1	
Chương 2. Les approches interactionnistes			
2.1.	les approches de type psychologique/psychiatrique	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Les approches de type sociologiques/ethnographiques/ anthropologiques	2	
2.3.	Les approches linguistiques	2	
Chương 3. Méthodologie de recherche en analyse des interactions			
3.1.	Les caractéristiques de la démarche interactionnelle	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Approche interactionniste		
3.3.	Approche transversale	3	
3.4.	Approche longitudinale	3	
Chương 4. Interactions verbales et enseignement du FLE			
4.1.	Caractériser les interactions didactiques en classe de langue	2	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2.	Interactions de classe : un objet de recherche	2	
6.2. Thực hành			

Nội dung		Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Champ disciplinaire			
1.1.	L'analyse des interactions : un champ de recherche pluridisciplinaire	1	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2.	Quelques concepts clés	1	
Chương 2. Les approches interactionnistes			
2.1.	les approches de type psychologique/psychiatrique	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Les approches de type sociologiques/ethnographiques/ anthropologiques	2	
2.3.	Les approches linguistiques	2	
Chương 3. Méthodologie de recherche en analyse des interactions			

3.1. Les caractéristiques de la démarche interactionnelle	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Approche interactionniste		
3.3. Approche transversale	3	
3.4. Approche longitudinale	3	
Chương 4. Interactions verbales et enseignement du FLE		
4.1. Caractériser les interactions didactiques en classe de langue	2	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Interactions de classe : un objet de recherche	2	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

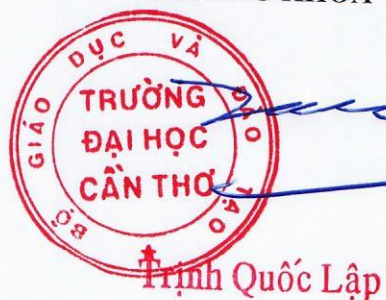
10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] David Nunan (1997). <i>Dẫn nhập phân tích diễn ngôn</i> , NXB Giáo dục	410 / N972
[2] Nguyễn Hòa (2008). <i>Phân tích diễn ngôn : một số vấn đề lý luận và phương pháp</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	410.1 / H401
[3] Nguyễn Như Ý (1996). <i>Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học</i> , NXB Giáo dục	410.3 / Y600

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	10	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	4	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	2	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA



Cần Thơ, ngày 28 tháng 9 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Hằng
Nguyễn Thị Hằng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Ngữ dụng học (Pragmatics)

- Mã số học phần: SPP620
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày lược sử hình thành và phát triển của phân ngành ngữ dụng học
- 4.1.2. Trình bày được những khái niệm cơ bản của ngữ dụng học: ngữ cảnh, sự chiếu vật, hành động ngôn từ, hội thoại, ý nghĩa tường minh, ý nghĩa hàm ẩn.
- 4.1.3. Trình bày các hệ quả sự phạm của ngữ dụng học đối với việc dạy và học kỹ năng ngôn ngữ

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Vận dụng được hiểu biết về các khái niệm ngữ dụng để phân tích các phát ngôn, diễn ngôn, chỉ ra được các phương tiện, phương thức nói năng bình thường trong các ngôn bản, nhận diện được những trường hợp nói năng bất thường một cách cô ý
- 4.2.2. Thực hiện nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực ngữ dụng học
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về phân ngành ngôn ngữ "ngữ dụng học" và sự vận dụng của ngữ dụng học trong giảng dạy tiếng Pháp.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung

Số tiết

Mục tiêu

Chương 1. Naissance d'une discipline			
1.1. Généralités	1	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2	
1.2. La pragmatique et les autres disciplines : quels rapports ?	1		
Chương 2. Les linguistiques de la parole. De la « réification » de la langue à la prise en charge d'énoncés concrets			
2.1. Les linguistiques éconciatives	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2	
2.2. Théorie de l'énonciation	3		
Chương 3. Actes de langage, Théorie de la pertinence et maximes conversationnelles			
3.1. Théorie des actes du langage	3	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2	
3.2. Maximes conversationnelles et lois de discours	3		
3.3. Théorie de la pertinence	3		
Chương 4. Pragmatique et enseignement du FLE			
4.1. Les concepts présupposé, inférence, sous-entendu, implicite	2	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2	
4.2. Retombées didactique sur l'enseignement de l'oral et de l'écrit	2		

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Naissance d'une discipline			
1.1. Généralités		1	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2. La pragmatique et les autres disciplines : quels rapports ?		1	
Chương 2. Les linguistiques de la parole. De la « réification » de la langue à la prise en charge d'énoncés concrets			
2.1. Les linguistiques éconciatives		2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Théorie de l'énonciation		3	
Chương 3. Actes de langage, Théorie de la pertinence et maximes conversationnelles			
3.1. Théorie des actes du langage		3	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Maximes conversationnelles et lois de discours		3	
3.3. Théorie de la pertinence		3	

Chương 4. Pragmatique et enseignement du FLE

4.1. Les concepts présupposé, inférence, sous-entendu, implicite	2	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Retombées didactique sur l'enseignement de l'oral et de l'écrit	2	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu

Số đăng ký cá biệt

[1] Nguyễn Đức Dân (2000). *Ngữ dụng học. Tập 1*, NXB Giáo

401.4 / D121/T.1

dục

[2] George Yule (1998). Pragmatics, Oxford University Press

401 / Y95

[3] Lê Quang Thiêm (2008). *Ngữ nghĩa học*, NXB Giáo dục

495.9228 / Th304

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	10	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	4	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	2	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2020

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trịnh Quốc Lập

[Handwritten signature]
Võ Văn Chung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural communication)

- Mã số học phần: SPP614
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày các khái niệm giao tiếp liên văn hóa, năng lực giao tiếp liên văn hóa, chiến lược giao tiếp liên văn hóa
- 4.1.2. Trình bày các lý thuyết về giao tiếp liên văn hóa

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Phân tích các tình huống giao tiếp liên văn hóa có vấn đề
- 4.2.2. Sản sinh được những tiết dạy tiếng tích hợp với nội dung liên quan văn hóa
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về tính đa văn hoá và hiện tượng giao tiếp liên văn hóa trong thời đại toàn cầu hoá ngày nay. Môn học đưa ra một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn để sinh viên nhận thức hiện tượng liên văn hoá trong giao tiếp quốc tế của người Việt Nam và vận dụng cụ thể vào lối sống và hoạt động giao tiếp với người nước ngoài, đặc biệt với các công dân đến từ các nền văn hoá Pháp ngữ.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Généralites			
1.1.	Qu'est-ce que la communication interculturelle ?	1	4.1.1; 4.2.1;

			4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2.	Compétence de communication interculturelle	1	
1.3	Stratégies de communication en contexte interculturel	1	
Chương 2. Les théories de la communication interculturelle			
2.1.	Théorie de la Convergence Culturelle	1	4.1.2; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Théorie de la gestion de l'anxiété/incertitude	1	
2.3.	Théorie co-culturelle	1	
2.4.	Théorie de l'Accommodation Communicative	1	
2.5.	Théorie de la gestion de l'identité	1	
2.6.	Théorie de la négociation de l'identité	1	
2.7.	Théorie des réseaux intra-culturels versus interculturels	1	
2.8.	Théorie de la gestion de l'anxiété/incertitude de l'ajustement interculturel	1	
2.9.	Théorie de gestion de la face	1	
2.10.	Théorie de la négociation de l'identité	1	
Chương 3. Các mô hình tích hợp giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa, liên văn hóa			
3.1.	Interculturel dans l'Approche communicative	2	4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Interculturel dans l'Approche actionnelle	2	
Chương 4. Ứng dụng giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ			
4.1.	Situations de choc culturel	2	4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2.	Contenus interculturels dans les manuels	2	
6.2. Thực hành			
	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Généralités			
1.1.	Qu'est-ce que la communication interculturelle ?	1	4.1.1; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2

1.2.	Compétence de communication interculturelle	1	
1.3	Stratégies de communication en contexte interculturel	1	
Chương 2. Les théories de la communication interculturelle			
2.1.	Théorie de la Convergence Culturelle	1	4.1.2; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Théorie de la gestion de l'anxiété/incertitude	1	
2.3.	Théorie co-culturelle	1	
2.4.	Théorie de l'Accommodation Communicative	1	
2.5.	Théorie de la gestion de l'identité	1	
2.6.	Théorie de la négociation de l'identité	1	
2.7.	Théorie des réseaux intra-culturels versus interculturels	1	
2.8.	Théorie de la gestion de l'anxiété/incertitude de l'ajustement interculturel	1	
2.9.	Théorie de gestion de la face	1	
2.10.	Théorie de la négociation de l'identité	1	
Chương 3. Các mô hình tích hợp giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa, liên văn hóa			
3.1.	Interculturel dans l'Approche communicative	2	4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Interculturel dans l'Approche actionnelle	2	
Chương 4. Ứng dụng giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ			
4.1.	Situations de choc culturel	2	4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2.	Contenus interculturels dans les manuels	2	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Nguyễn Phú Lộc (2015). <i>Phương pháp nghiên cứu giáo dục</i> , NXB Đại học Cần Thơ	370.7 / L451
[2] Võ Thị Ngọc Lan (2012). <i>Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i> , NXB Đại học Quốc gia TP HCM	370.7 / L105
[3] Vũ Cao Đàm (2014). <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB Giáo dục Việt Nam	001.42 / Đ104

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	10	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học

7 - 11	Chương 3	2	8	Thực hiện bài tập thực hành nhóm Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	2	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 28 tháng 9 năm 2019

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA



Trịnh Quốc Lập

Nguyễn Thị Kim Lan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Kỹ thuật trình bày văn bản khoa học (Techniques of writing scientific text)

- Mã số học phần: SPP616
- Số tín chỉ học phần: 03 tín chỉ
- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày được đặc điểm văn phong, hình thức và nội dung của từng loại văn bản khoa học
- 4.1.2. Trình bày được các loại trích dẫn và các nguyên tắc trích dẫn trong một văn bản khoa học
- 4.1.3. Trình bày được các chuẩn danh mục tài liệu tham khảo

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Phân tích sâu những ưu điểm, hạn chế của một văn bản khoa học cụ thể khi tiếp nhận và đề xuất những chỉnh sửa phù hợp
- 4.2.2. Sản sinh được một văn bản khoa học chất lượng
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần yêu khoa học
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và nghiêm túc trong việc soạn thảo các văn bản khoa học

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp học viên hoàn thiện kỹ năng viết thể loại văn bản khoa học (báo cáo, bài báo, luận văn...) bằng tiếng Pháp để chuẩn bị cho việc viết luận văn và các bài báo học thuật, phục vụ cho quá trình học tập ở bậc học thạc sĩ.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung

Số tiết

Mục tiêu

Chương 1. Đặc trưng văn bản khoa học		
1.1. Các loại văn bản khoa học	1	4.1.1; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2. Văn phong khoa học	2	
1.3. Các tiêu chí đánh giá chất lượng một văn bản khoa học	1	
Chương 2. Kỹ thuật trích dẫn khoa học và trình bày danh mục tài liệu tham khảo		
2.1. Các loại trích dẫn	2	4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Các nguyên tắc trích dẫn khoa học	4	
2.3. Các chuẩn trình bày danh mục tài liệu tham khảo	4	
2.4. Một số phần mềm hỗ trợ	4	
Chương 3. Kỹ thuật trình bày luận văn		
3.1. Cấu trúc luận văn	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Cách viết các thành phần của luận văn	4	
Chương 4. Kỹ thuật trình bày bài báo khoa học		
4.1. Cấu trúc bài báo khoa học	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Cách viết các thành phần của báo cáo khoa học	4	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Đặc trưng văn bản khoa học			
1.1. Các loại văn bản khoa học		1	4.1.1; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2. Văn phong khoa học		2	
1.3. Các tiêu chí đánh giá chất lượng một văn bản khoa học		1	
Chương 2. Kỹ thuật trích dẫn khoa học và trình bày danh mục tài liệu tham khảo			
2.1. Các loại trích dẫn		2	4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Các nguyên tắc trích dẫn khoa học		4	

2.3. Các chuẩn trình bày danh mục tài liệu tham khảo	4	
2.4. Một số phần mềm hỗ trợ	4	
Chương 3. Kỹ thuật trình bày luận văn		
3.1. Cấu trúc luận văn	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Cách viết các thành phần của luận văn	4	
Chương 4. Kỹ thuật trình bày bài báo khoa học		
4.1. Cấu trúc bài báo khoa học	2	4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Cách viết các thành phần của báo cáo khoa học	4	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Nguyễn Phú Lộc (2015). <i>Phương pháp nghiên cứu giáo dục</i> , NXB Đại học Cần Thơ	370.7 / L451
[2] Võ Thị Ngọc Lan (2012). <i>Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i> , NXB Đại học Quốc gia TP HCM	370.7 / L105
[3] Vũ Cao Đàm (2014). <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB Giáo dục Việt Nam	001.42 / Đ104

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	5	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	8	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	8	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	8	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	2	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 20 tháng 9 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trịnh Quốc Lập

(Handwritten signature)
Võ Văn Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Luận văn tốt nghiệp (Master's thesis)

- Mã số học phần: SPP000
- Số tín chỉ học phần: 15 tín chỉ
- Số tiết học phần:

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Tổng hợp kiến thức về lý luận dạy học bộ môn tiếng Pháp
- 4.1.2. Phân biệt các loại hình nghiên cứu trong giảng dạy tiếng Pháp

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Nêu và giải quyết vấn đề nghiên cứu đúng theo thông lệ nghiên cứu khoa học
- 4.2.2. Phân tích, tổng hợp tài liệu một cách có hệ thống phục vụ cho nghiên cứu
- 4.2.3. Thu thập và phân tích dữ liệu nghiên cứu đảm bảo tính khoa học
- 4.2.4. Tường thuật kết quả nghiên cứu một cách có hệ thống

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Khách quan, trung thực, đảm bảo tính đạo đức trong thực hiện đề tài nghiên cứu
- 4.3.2. Đề cao tư duy sáng tạo, phê phán trong quá trình nghiên cứu

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp học viên tiếp cận thực tiễn và ứng dụng được kiến thức lý thuyết và thực hành của chuyên ngành để tìm hiểu, đánh giá, và phân tích một số đề tài nghiên cứu cụ thể. Các đề tài nghiên cứu này bao gồm các hoạt động dạy học ngoại ngữ, đánh giá học sinh trong dạy học ngoại ngữ, các yếu tố tác động đến hiệu quả học tập của học sinh, quan điểm của người dạy và người học về các yếu tố liên quan đến lý luận và dạy học tiếng Pháp. Từ nghiên cứu của mình, học viên có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của mình trong tương lai.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Học viên tự nghiên cứu lý thuyết liên quan đến đề tài nghiên cứu

6.2. Thực hành

TT	Nội dung công việc	Số tiết
1	Học viên đăng ký người hướng dẫn khoa học, xác định đề tài, phạm vi, đối tượng nghiên cứu	
2	Học viên xây dựng đề cương nghiên cứu, trình bày trước Hội đồng khoa học của cơ sở đào tạo	
3	Học viên xác định đề tài chính thức, cơ sở đào tạo ra quyết định giao đề tài, phân công người hướng dẫn khoa học	
4	Học viên viết đề cương chi tiết, tiến hành các bước nghiên cứu: nghiên cứu lý thuyết, thu thập dữ liệu, phân tích số liệu (khảo sát hoặc thực nghiệm sư phạm)	
5	Học viên viết bản thảo luận văn, trình bày CBHD góp ý, chỉnh sửa, bổ sung	
6	Học viên hoàn chỉnh văn bản luận văn và nộp cho Khoa Sư phạm theo đúng hạn định	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

Thực hiện theo đúng quy chế hiện hành của Đại học Cần Thơ về công tác nhận xét, đánh giá luận văn tốt nghiệp cao học.

10. Tài liệu học tập:

- Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Cần Thơ
- Quy định tiến trình thực hiện và quy cách trình bày luận văn thạc sĩ trường Đại học Cần Thơ
- Những tài liệu về phương pháp nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trình bày văn bản khoa học
- Những tài liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA**



15
Võ Văn Chấn

Trịnh Quốc Lập

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp dạy học Phiên dịch tiếng Pháp (Methods of teaching interpretation)

- Mã số học phần: SPP628
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày đặc thù và nội dung dạy học Phiên dịch tiếng Pháp
- 4.1.2. Trình bày các nguyên tắc, tiến trình và các hình thức hoạt động dạy học Phiên dịch tiếng Pháp

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Sử dụng thành thạo các hình thức hoạt động và tiến trình dạy học Phiên dịch tiếng Pháp
- 4.2.2. Xây dựng bài giảng Phiên dịch tiếng Pháp hiệu quả
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật phiên dịch. Học phần cũng sẽ cho học viên thực hành giảng dạy kỹ năng đặc biệt này.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Types d'interprétation			
1.1.	Interprétation simultanée	2	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Interprétation consécutive	2	4.3.1, 4.3.2
1.3.	Interprétation de liaison	2	

Chương 2. Compétences requises pour un interprète		
2.1. Compétence linguistique	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Compétence contextuelle	1	
2.3. Compétence disciplinaire	1	
2.4. Compétences culturelles	1	
2.5. Compétence de traduction/d'interprétation		

Chương 3. Didactique de l'interprétation

3.1. Principes	2	4.1.2; 4.2.1;
3.2. Types d'activités	4	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3. Démarche	4	4.3.1, 4.3.2

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Types d'interprétation			
1.1. Interprétation simultanée		2	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Interprétation consécutive		2	4.3.1, 4.3.2
1.3. Interprétation de liaison		2	
Chương 2. Compétences requises pour un interprète			
2.1. Compétence linguistique		1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Compétence contextuelle		1	
2.3. Compétence disciplinaire		1	
2.4. Compétences culturelles		1	
2.5. Compétence de traduction/d'interprétation			
Chương 3. Didactique de l'interprétation			
3.1. Principes		2	
3.2. Types d'activités		4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ;
3.3. Démarche		4	4.3.1, 4.3.2

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Trần Thanh Ái (2013). <i>La traduction. Quelques aspects theoriques et pratiques</i> , NXB Đại học Cần Thơ	448.02 / A103
[2] Mundy, Jeremy (2008). <i>Introducing translation studies : Theories and applications</i> , Routledge	418.02 / M965
[3] Penfornis, Jean-Luc (2004). <i>Francais.com</i> , CLE International	448.24 / P398

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	4	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
4 - 8	Chương 2	7	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
9 - 14	Chương 3	8	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm

15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần
----	---------------------------------	---	---	---

Cần Thơ, ngày 28 tháng 9 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Kim Lan

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA



Trịnh Quốc Lập

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp dạy học Biên dịch tiếng Pháp (Methods of teaching translation skill)

- Mã số học phần: SPP624
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày đặc thù và nội dung dạy học Biên dịch tiếng Pháp
- 4.1.2. Trình bày các nguyên tắc, tiến trình và các hình thức hoạt động dạy học Biên dịch tiếng Pháp

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Sử dụng thành thạo các hình thức hoạt động và tiến trình dạy học Biên dịch tiếng Pháp
- 4.2.2. Xây dựng bài giảng Biên dịch tiếng Pháp hiệu quả
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật biên dịch. Học phần cũng sẽ cho học viên thực hành giảng dạy kỹ năng đặc biệt này.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Theories de la traduction		
1.1. Linguistique et problèmes de traduction	2	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Traduction et culture	2	4.3.1, 4.3.2
1.3. Opérations de la traduction	2	

1.4. Théories actuelles de la traduction	2	
Chương 2. Courants de la traduction		
2.1. Approche sociolinguistique	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Approche communicationnelle	2	
2.3. Approche linguistique	2	
2.4. Approche herméneutique	2	
2.5. Approche littéraire	2	
2.6. Approche sémiotique	2	
Chương 3. Didactique de la traduction		
3.1. Principes	2	4.1.2; 4.2.1;
3.2. Types d'activités	3	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3. Démarche	3	4.3.1, 4.3.2

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Theories de la traduction			
1.1. Linguistique et problèmes de traduction		2	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Traduction et culture		2	4.3.1, 4.3.2
1.3. Opérations de la traduction		2	
1.4. Théories actuelles de la traduction		2	
Chương 2. Courants de la traduction			
2.1. Approche sociolinguistique		2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Approche communicationnelle		2	
2.3. Approche linguistique		2	
2.4. Approche herméneutique		2	
2.5. Approche littéraire		2	
2.6. Approche sémiotique		2	
Chương 3. Didactique de la traduction			
3.1. Principes		2	4.1.2; 4.2.1;
3.2. Types d'activités		3	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3. Démarche		3	4.3.1, 4.3.2

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bất buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Trần Thanh Ái (2013). <i>La traduction. Quelques aspects theoriques et pratiques</i> , NXB Đại học Cần Thơ	448.02 / A103
[2] Mundy, Jeremy (2008). <i>Introducing translation studies : Theories and applications</i> , Routledge	418.02 / M965
[3] Penfornis, Jean-Luc (2004). <i>Francais.com</i> , CLE International	448.24 / P398

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	4	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
4 - 8	Chương 2	7	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
9 - 14	Chương 3	8	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm

15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần
----	---------------------------------	---	---	---

Cần Thơ, ngày 18 tháng 1 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Kim Lan

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA



Trịnh Quốc Lập

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp dạy học Tiếng Pháp Thương mại (Methods of teaching French for business)

- Mã số học phần: SPP630
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày đặc thù và nội dung dạy học Tiếng Pháp thương mại
- 4.1.2. Trình bày các nguyên tắc, tiến trình và các hình thức hoạt động dạy học Tiếng Pháp thương mại

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Sử dụng thành thạo các hình thức hoạt động và tiến trình dạy học Tiếng Pháp thương mại
- 4.2.2. Xây dựng bài giảng Tiếng Pháp thương mại hiệu quả
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực thương mại, đặc biệt các nội dung kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cần thiết cho các tác nghiệp trong lĩnh vực nghề nghiệp này. Học phần sẽ cho học viên thực hành vận dụng những kiến thức chuyên sâu về giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành vào trong việc giảng dạy tiếng Pháp thương mại.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Métiers du commerce et savoir-faire		
1.1. Assistant commercial	1	4.1.1; 4.2.3 ;

1.2. Conseiller de vente	1	4.3.1, 4.3.2
1.3. Vendeur	1	
Chương 2. Spécificités du français du commerce		
2.1. Genres de productions à l'oral	4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Genres de productions à l'écrit	4	
Chương 3. Didactique du français du commerce		
3.1. Principes	2	4.1.2; 4.2.1;
3.2. Types d'activités	3	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3. Démarche	3	4.3.1, 4.3.2

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Métiers du commerce et savoir-faire			
1.1. Assistant commercial		1	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Conseiller de vente		1	4.3.1, 4.3.2
1.3. Vendeur		1	
Chương 2. Spécificités du français du commerce			
2.1. Genres de productions à l'oral		4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Genres de productions à l'écrit		4	
Chương 3. Didactique du français du commerce			
3.1. Principes		2	4.1.2; 4.2.1;
3.2. Types d'activités		3	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3. Démarche		3	4.3.1, 4.3.2

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2

2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Nguyễn Thị Lực (2013). <i>Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh thương mại-dịch vụ</i> , Hachette	448.34 / H832
[2] Couillerot, Jacques (1996). <i>Bonjour Vietnam. Manuel de francais du tourisme et de l'hôtellerie</i> , NXB Giáo dục	448 / B715
[3] Penfornis, Jean-Luc (2004). <i>Francais.com</i> , CLE International	448.24 / P398

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	4	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
4 - 8	Chương 2	7	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
9 - 14	Chương 3	8	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Hương Trà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần: Phương pháp dạy học Tiếng Pháp nhà hàng-khách sạn
(Methods of teaching French for hotel management)**

- Mã số học phần: SPP621
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày đặc thù và nội dung dạy học Tiếng Pháp nhà hàng – khách sạn
- 4.1.2. Trình bày các nguyên tắc, tiến trình và các hình thức hoạt động dạy học Tiếng Pháp nhà hàng khách sạn

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Sử dụng thành thạo các hình thức hoạt động và tiến trình dạy học Tiếng Pháp nhà hàng – khách sạn
- 4.2.2. Xây dựng bài giảng Tiếng Pháp nhà hàng – khách sạn hiệu quả
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực nhà hàng – khách sạn, đặc biệt các nội dung kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cần thiết cho các tác nghiệp trong lĩnh vực nghề nghiệp này. Học phần sẽ cho học viên thực hành vận dụng những kiến thức chuyên sâu về giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành vào trong việc giảng dạy tiếng Pháp nhà hàng – khách sạn.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Métiers de l'hôtellerie et de la restauration et savoir-faire			
1.1.	Réceptionniste	1	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Serveur	1	4.3.1, 4.3.2
1.3.	Cuisinier	1	
1.4.	Directeur de l'hôtel ou du restaurant	1	
Chương 2. Spécificités du français de l'hôtellerie et de la restauration			
2.1.	Genres de productions à l'oral	4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Genres de productions à l'écrit	4	
Chương 3. Didactique du français de l'hôtellerie et de la restauration			
3.1.	Principes	2	4.1.2; 4.2.1;
3.2.	Types d'activités	3	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3.	Démarche	3	4.3.1, 4.3.2

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Métiers de l'hôtellerie et de la restauration et savoir-faire			
1.1.	Réceptionniste	1	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Serveur	1	4.3.1, 4.3.2
1.3.	Cuisinier	1	
1.4.	Directeur de l'hôtel ou du restaurant	1	
Chương 2. Spécificités du français de l'hôtellerie et de la restauration			
2.1.	Genres de productions à l'oral	4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Genres de productions à l'écrit	4	
Chương 3. Didactique du français de l'hôtellerie et de la restauration			
3.1.	Principes	2	4.1.2; 4.2.1;
3.2.	Types d'activités	3	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3.	Démarche	3	4.3.1, 4.3.2

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Dubois, Chantal (2013). <i>Hôtellerie-Restoration.com</i> , Hachette	448.34 / H832
[2] Couillerot, Jacques (1996). <i>Bonjour Vietnam. Manuel de francais du tourisme et de l'hôtellerie</i> , NXB Giáo dục	448 / B715
[3] Nguyễn Thị Tú (2005). <i>Nghiệp vụ phục vụ khách sạn</i> , NXB Thống kê	647.94 / T500

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	4	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học

				Thực hiện bài tập thực hành nhóm
4 - 8	Chương 2	7	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
9 - 14	Chương 3	8	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 18 tháng 9 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Hằng
Nguyễn Thị Hằng

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA



Trình Quốc Lập

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp dạy học Tiếng Pháp du lịch (Methods of teaching French for tourism)

- Mã số học phần: SPP629
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày đặc thù và nội dung dạy học Tiếng Pháp du lịch cho đối tượng học tiếng Pháp như một ngoại ngữ
- 4.2. Trình bày các nguyên tắc, tiến trình và các hình thức hoạt động dạy học Tiếng Pháp du lịch

4.3. Kỹ năng:

- 4.3.1. Sử dụng thành thạo các hình thức hoạt động và tiến trình dạy học Tiếng Pháp du lịch
- 4.3.2. Xây dựng bài giảng Tiếng Pháp du lịch hiệu quả
- 4.3.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.4. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.4.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.4.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực du lịch, đặc biệt các nội dung kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cần thiết cho các tác nghiệp trong lĩnh vực nghề nghiệp này. Học phần cũng sẽ cho học viên thực hành vận dụng những kiến thức chuyên sâu về giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành vào trong việc giảng dạy tiếng Pháp du lịch.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Métiers du tourisme et savoir-faire			
1.1.	Métier de guide	2	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Métier de réception	2	4.3.1, 4.3.2
Chương 2. Spécificités du français du tourisme			
2.1.	Genres de productions à l'oral	4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Genres de productions à l'écrit	4	
Chương 3. Didactique du français du tourisme			
3.1.	Principes	2	4.1.2; 4.2.1;
3.2.	Types d'activités	3	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3.	Démarche	3	4.3.1, 4.3.2

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Métiers du tourisme et savoir-faire			
1.1.	Métier de guide	2	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Métier de réception	2	4.3.1, 4.3.2
Chương 2. Spécificités du français du tourisme			
2.1.	Genres de productions à l'oral	4	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2.	Genres de productions à l'écrit	4	
Chương 3. Didactique du français du tourisme			
3.1.	Principes	2	4.1.2; 4.2.1;
3.2.	Types d'activités	3	4.2.2; 4.2.3 ;
3.3.	Démarche	3	4.3.1, 4.3.2

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Calmy, Anne-Marie (2004). <i>Le français du tourisme</i> , Hachette	448.24 / C164
[2] Couillerot, Jacques (1996). <i>Bonjour Vietnam. Manuel de français du tourisme et de l'hôtellerie</i> , NXB Giáo dục	448 / B715
[3] Ambassade de France en République Socialialiste du Vietnam (2005). <i>Synthèse sur le tourisme</i> , Ambassade de France en République Socialialiste du Vietnam	915.97 / S992

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	4	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
4 - 8	Chương 2	7	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
9 - 14	Chương 3	8	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp dạy học Ngữ pháp – Từ vựng (Methods of teaching grammar and vocabulary)

- Mã số học phần: SPP627
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày đặc thù và nội dung dạy học từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp cho đối tượng học tiếng Pháp như một ngoại ngữ
- 4.1.2. Trình bày các nguyên tắc, tiến trình và các hình thức hoạt động dạy học từ vựng – ngữ pháp.

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Sử dụng thành thạo các hình thức hoạt động và tiến trình dạy học ngữ pháp – từ vựng
- 4.2.2. Xây dựng bài giảng ngữ pháp – từ vựng hiệu quả
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về từ vựng học, ngữ pháp học, đặc biệt là quá trình lĩnh hội 2 mảng kiến thức này nơi người học ngoại ngữ. Học phần cũng sẽ giới thiệu và cho học viên thực hành các xu hướng, phương pháp giảng dạy ngữ pháp và từ vựng phù hợp với nhiều đối tượng người học khác nhau.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung

Số tiết

Mục tiêu

Chương 1. Lexicologie

1.1. Généralités	0,5	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Sémantique des mots	1	4.3.1, 4.3.2
1.3. Polysémie	0,5	
1.4. Formation des mots	2	
Chương 2. Enseignement du lexique		
2.1. Principes	1	4.1.2; 4.2.1;
2.2. Types d'activités	2	4.2.2; 4.2.3 ;
2.3. Démarche	2	4.3.1, 4.3.2
Chương 3. Grammaire en FLE		
3.1. Grammaire de phrase	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Grammaire de texte	1	
3.3. Interlangue	1	
3.4. Contenus grammaticaux selon le CECR	2	
Chương 4. Enseignement de la grammaire en FLE		
3.1. Grammaire explicite / déductive	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Grammaire implicite / inductive	1	
3.3. Types d'activités	2	
3.4. Démarche	2	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Lexicologie			
1.1. Généralités		0,5	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Sémantique des mots		1	4.3.1, 4.3.2
1.3. Polysémie		0,5	
1.4. Formation des mots		2	
Chương 2. Enseignement du lexique			
2.1. Principes		1	4.1.2; 4.2.1;
2.2. Types d'activités		2	4.2.2; 4.2.3 ;
2.3. Démarche		2	4.3.1, 4.3.2
Chương 3. Grammaire en FLE			
3.1. Grammaire de phrase		1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Grammaire de texte		1	
3.3. Interlangue		1	
3.4. Contenus grammaticaux selon le CECR		2	
Chương 4. Enseignement de la grammaire en FLE			
4.1. Grammaire explicite / déductive		1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2

4.2. Grammaire implicite / inductive	1
4.3. Types d'activités	2
4.4. Démarche	2

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Nguyễn Hồng Phúc (2000). <i>Bài giảng từ vựng (dành cho sinh viên chuyên ngữ Pháp văn)</i> , NXB Đại học Cần Thơ	448.24 / Ph506
[2] Gérard Vigner (2004). <i>Grammaire en FLE</i> , Hachette	445 / V683
[3] Ngữ pháp tiếng Pháp T2 (1995). <i>Ngữ pháp tiếng Pháp, T2</i>	445 / C107/T2

NXB Giáo dục

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
4 - 6	Chương 2	6	6	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 10	Chương 3	4	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
10 - 14	Chương 4	6	6	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 21 tháng 9 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Kim Lan

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**



Trịnh Quốc Lập

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Sử dụng giáo cụ trực quan và công nghệ trong giảng dạy tiếng Pháp (Using visual aids and technology in French language teaching)

- Mã số học phần: SPP632
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày vai trò và nguyên tắc sử dụng giáo cụ trực quan và CNTT trong dạy học
- 4.1.2. Trình bày quy trình xây dựng và tổ chức dạy học theo hình thức dạy học kết hợp.

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Sử dụng linh hoạt các loại giáo cụ trực quan và các ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy
- 4.2.2. Xây dựng bài giảng theo mô hình dạy học kết hợp
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng về sử dụng giáo cụ trực quan và về ứng dụng CNTT, đặc biệt về dạy học kết hợp (blended learning) trong dạy học ngoại ngữ.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Giáo cụ trực quan trong giảng dạy tiếng Pháp		

1.1.	Vai trò	0,5	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Nguyên tắc	1	4.3.1, 4.3.2
1.3.	Phân loại	0,5	
1.4.	Cách khai thác và sử dụng	2	
Chương 2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Pháp			
2.1.	Tác động của CNTT	1	4.1.2; 4.2.1;
2.2.	Ứng dụng CNTT trong soạn giảng	2	4.2.2; 4.2.3 ;
2.3.	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy	2	4.3.1, 4.3.2
2.4.	Ứng dụng CNTT trong đánh giá	2	
2.5.	Ứng dụng CNTT trong học tập	2	
Chương 3. Mô hình dạy học kết hợp (bleanded-learning)			
3.1.	Khái niệm dạy học kết hợp	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Xây dựng bài học theo hình thức dạy học kết hợp	3	
3.3.	Tổ chức bài học theo hình thức dạy học kết hợp	3	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Giáo cụ trực quan trong giảng dạy tiếng Pháp			
1.1.	Vai trò	0,5	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Nguyên tắc	1	4.3.1, 4.3.2
1.3.	Phân loại	0,5	
1.4.	Cách khai thác và sử dụng	2	
Chương 2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Pháp			
2.1.	Tác động của CNTT	1	4.1.2; 4.2.1;
2.2.	Ứng dụng CNTT trong soạn giảng	2	4.2.2; 4.2.3 ;
2.3.	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy	2	4.3.1, 4.3.2
2.4.	Ứng dụng CNTT trong đánh giá	2	
2.5.	Ứng dụng CNTT trong học tập	2	
Chương 3. Mô hình dạy học kết hợp (bleanded-learning)			
3.1.	Khái niệm dạy học kết hợp	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Xây dựng bài học theo hình thức dạy học kết hợp	3	
3.3.	Tổ chức bài học theo hình thức dạy học kết hợp	3	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Đỗ Mạnh Cường (2008). <i>Giáo trình ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học</i> , NXB Đại học Quốc gia TP HCM	371.90433 / C561
[2] Đào Thái Lai (2006). <i>Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học</i> , NXB Giáo dục	371.33 / L103/T.1
[3] Phó Đức Hòa (2008). <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực</i> , NXB Giáo dục	371.33 / H401

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 4	Chương 1	3	5	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ

				học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
5 - 9	Chương 2	10	10	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
10 - 14	Chương 3	6	5	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 18 tháng 9 năm 2010

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA



Trịnh Quốc Lập

JK
Nguyễn Thị Kim Lan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phát triển chương trình, tài liệu giảng dạy tiếng Pháp (Syllabus development for teaching French)

- Mã số học phần: SPP622
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày quy trình phát triển một chương trình đào tạo
- 4.1.2. Trình bày nội hàm các bước phát triển chương trình đào tạo.

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Xây dựng được khung năng lực và khung chương trình đào tạo từ một nhu cầu đào tạo cụ thể
- 4.2.2. Xây dựng tài liệu giảng dạy, học tập phục vụ cho việc triển khai chương trình đào tạo
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên các nội dung về công nghệ đào tạo, về qui trình phát triển một chương trình đào tạo gồm các bước như phân tích nhu cầu đào tạo, xây dựng nội dung chương trình, chọn lựa tiến trình và phương pháp sư phạm, xây dựng tài liệu học tập, tài liệu hướng dẫn cho giáo viên, triển khai và đánh giá chương trình đào tạo.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Introduction		
1.1. Ingénierie de la formation	1	4.1.1; 4.2.3 ;

1.2.	Des pratiques sociales au referentiel de formation	2	4.3.1, 4.3.2
1.3.	Différentes étapes de développement d'une formation	1	
Chương 2. Analyser la demande de formation			
2.1.	Analyser le contexte et prendre en compte les contraintes	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ;
2.2	Identifier les acteurs et leurs besoins	1	4.3.1, 4.3.2
2.3.	Définir les objectifs, les contenus et les méthodes	2	
Chương 3. Construire la progression pédagogique			
3.1.	Définir les niveaux d'acquisition	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Découper la formation en séquences/modules	2	
3.3.	Choisir les techniques pédagogiques	2	
Chương 4. Concevoir les supports de formation			
3.1.	Adapter les supports aux objectifs	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Elaborer le dossier apprenant (contenu, exercices, fiche mémo, outils pratiques...)	2	
3.3.	Elaborer le guide du formateur	2	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Introduction			
1.1.	Ingénierie de la formation	1	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Des pratiques sociales au referentiel de formation	2	4.3.1, 4.3.2
1.3.	Différentes étapes de développement d'une formation	1	
Chương 2. Analyser la demande de formation			
2.1.	Analyser le contexte et prendre en compte les contraintes	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ;
2.2	Identifier les acteurs et leurs besoins	1	4.3.1, 4.3.2
2.3.	Définir les objectifs, les contenus et les méthodes	2	
Chương 3. Construire la progression pédagogique			
3.1.	Définir les niveaux d'acquisition	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2.	Découper la formation en séquences/modules	2	
3.3.	Choisir les techniques pédagogiques	2	
Chương 4. Concevoir les supports de formation			

3.1. Adapter les supports aux objectifs	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Elaborer le dossier apprenant (contenu, exercices, fiche mémo, outils pratiques...)	2	
3.3. Elaborer le guide du formateur	2	
3.3. Participation à des réseaux professionnel	1	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu

Số đăng ký cá biệt

[1] Nguyễn Văn Khôi (2013). *Phát triển chương trình giáo dục*, 378 / Kh452

NXB Đại học Sư phạm

[2] Trần Kiểm (2014). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm 371.144 / R556

[3] Nguyễn Xuân Thanh (2013). *Giáo trình kiểm tra và thanh tra giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm 353.8 / Th107

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	6	6	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	6	6	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA



Trịnh Quốc Lập

Cần Thơ, ngày 18 tháng 9 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Hoàng Trà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần: Phát triển nghiệp vụ và năng lực tự bồi dưỡng chuyên môn
(Professional development and capacity of self- training)**

- Mã số học phần: SPP623
- Số tín chỉ học phần: 03 tín chỉ
- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày các khái niệm cơ bản trong mối quan hệ giữa chúng và mục tiêu phát triển chuyên môn, tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ
- 4.1.2. Trình bày công cụ phát triển chuyên môn.

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Sử dụng thành thạo các công cụ phát triển chuyên môn
- 4.2.2. Xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ bản thân
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp học viên nắm vững kiến thức lý luận về phát triển nghiệp vụ sư phạm tiếng Pháp và khả năng tự học, nhằm định hướng cho công tác tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và phát huy khả năng tự học suốt đời. Học phần giúp học viên hiểu biết về các hình thức phát triển nghiệp vụ sư phạm và tự học sẽ giúp người học có khả năng chọn lọc, phối hợp và ứng dụng các hình thức phù hợp với bối cảnh của bản thân và nơi công tác.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung

Số tiết

Mục tiêu

Chương 1. Développement professionnel : Quelques

concepts clés

1.1. Professionnalisation	0,5	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Développement professionnel	0,5	4.3.1, 4.3.2
1.3. Pratique réflexive	0,5	
1.4. Recherche et développement professionnel	0,5	
Chương 2. Autoformation		
2.1. Rôle de l'autoformation dans le développement professionnel	1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2 Dispositifs d'autoformation	1	
2.3. Conditions de réussite d'une autoformation	1	
Chương 3. Instruments au service de la démarche individuelle de développement professionnel		
3.1. Journal de bord	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Portfolio	2	
3.3. Récit d'expérience	2	
3.4. Veille informationnelle	2	
3.5. Recherche scientifique	2	
Chương 4. Instruments au service de la démarche collective de développement professionnel		
3.1. Etude collective d'une leçon	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Groupe d'analyse de pratiques professionnelles	2	
3.3. Participation à des réseaux professionnel	1	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Développement professionnel : Quelques concepts clés			
1.1. Professionnalisation		0,5	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Développement professionnel		0,5	4.3.1, 4.3.2
1.3. Pratique réflexive		0,5	
1.4. Recherche et développement professionnel		0,5	
Chương 2. Autoformation			
2.1. Rôle de l'autoformation dans le développement professionnel		1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2 Dispositifs d'autoformation		1	
2.3. Conditions de réussite d'une autoformation		1	
Chương 3. Instruments au service de la démarche individuelle de développement professionnel			

3.1. Journal de bord	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Portfolio	2	
3.3. Récit d'expérience	2	
3.4. Veille informationnelle	2	
3.5. Recherche scientifique	2	

Chương 4. Instruments au service de la démarche collective de développement professionnel

3.1. Etude collective d'une leçon	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Groupe d'analyse de pratiques professionnelles	2	
3.3. Participation à des réseaux professionnel	1	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một

chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Nguyễn Việt Bắc (2007). <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên</i> , NXB Giáo dục	371.3 / B113
[2] Rieman, Patricia L. (2007). <i>Creating your teaching portfolio : presenting your professional best</i> , McGraw-Hill Higher Education	371.144 / R556
[3] Phạm Việt Vương (1995). <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục : Tài liệu dùng cho các trường ĐHSP và CĐSP</i> , NXB Giáo dục	370.78 / V561

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	6	6	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	6	6	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 3 tháng 3 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trịnh Quốc Lập

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp dạy học Đọc – Viết (Methods of teaching reading and writing)

- Mã số học phần: SPP625
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày đặc thù và nội dung dạy học Đọc – Viết cho đối tượng học tiếng Pháp như một ngoại ngữ
- 4.2. Trình bày các nguyên tắc, tiến trình và các hình thức hoạt động dạy học Đọc – Viết.

4.3. Kỹ năng:

- 4.3.1. Sử dụng thành thạo các hình thức hoạt động và tiến trình dạy học Đọc – Viết
- 4.3.2. Xây dựng bài giảng Đọc – Viết hiệu quả
- 4.3.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.4. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.4.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.4.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về quá trình đọc và viết nói chung và đặc thù của 2 quá trình này nơi người học ngoại ngữ. Học phần cũng sẽ giới thiệu và cho học viên thực hành các phương pháp giảng dạy 2 kỹ năng này.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Théorie du processus de lecture en FLE			
1.1.	Généralités	0,5	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2.	Sémantique des mots	1	4.3.1, 4.3.2

1.3. Polysémie		0,5	
1.4. Formation des mots		2	
Chương 2. Didactique de la lecture en FLE			
2.1. Principes		1	4.1.2; 4.2.1;
2.2. Types d'activités		2	4.2.2; 4.2.3 ;
2.3. Démarche		2	4.3.1, 4.3.2
Chương 3. Théorie du processus d'écriture en FLE			
3.1. Grammaire de phrase		1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Grammaire de texte		1	
3.3. Interlangue		1	
3.4. Contenus grammaticaux selon le CECR		2	
Chương 4. Didactique de l'écriture en FLE			
3.1. Grammaire explicite / déductive		1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Grammaire implicite / inductive		1	
3.3. Types d'activités		2	
3.4. Démarche		2	
6.2. Thực hành			
	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Lexicologie			
1.1. Généralités		0,5	4.1.1; 4.2.3 ;
1.2. Sémantique des mots		1	4.3.1, 4.3.2
1.3. Polysémie		0,5	
1.4. Formation des mots		2	
Chương 2. Enseignement du lexique			
2.1. Principes		1	4.1.2; 4.2.1;
2.2. Types d'activités		2	4.2.2; 4.2.3 ;
2.3. Démarche		2	4.3.1, 4.3.2
Chương 3. Grammaire en FLE			
3.1. Grammaire de phrase		1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
3.2. Grammaire de texte		1	
3.3. Interlangue		1	
3.4. Contenus grammaticaux selon le CECR		2	
Chương 4. Enseignement de la grammaire en FLE			
4.1. Grammaire explicite / déductive		1	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2. Grammaire implicite / inductive		1	

4.3. Types d'activités	2
4.4. Démarche	2

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Cornaire, Claudette (1999). <i>Le point sur la lecture en FLE</i> , CLE International	448.007 / C812
[2] Gérard Vigner (2004). <i>Grammaire en FLE</i> , Hachette	445 / V683
[3] Ngữ pháp tiếng Pháp T2 (1995). <i>Ngữ pháp tiếng Pháp, T2</i> NXB Giáo dục	445 / C107/T2

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
4 - 6	Chương 2	6	6	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 10	Chương 3	4	4	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
10 - 14	Chương 4	6	6	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 20 tháng 3 năm 2020

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA**

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Võ Văn Chung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Ngôn ngữ học đối chiếu (Comparative linguistics)

- Mã số học phần: SPP617
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Ngoại ngữ

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: không
- Điều kiện song hành: không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Trình bày lược sử hình thành và phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu
- 4.1.2. Trình bày các nguyên tắc và các phương pháp đối chiếu các ngôn ngữ
- 4.1.3. Trình bày các hệ quả sự phạm của ngôn ngữ học đối chiếu

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Đối chiếu các ngôn ngữ trên nhiều bình diện khác nhau
- 4.2.2. Vận dụng các hệ quả sự phạm từ các nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ vào trong giảng dạy
- 4.2.3. Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 4.3.1. Phát triển tinh thần công dân toàn cầu
- 4.3.2. Nâng cao tính tích cực học tập và cởi mở trong giao tiếp

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học đối chiếu như là một ngành nghiên cứu liên ngôn ngữ, và về các đóng góp sự phạm của ngôn ngữ học đối chiếu đối với việc giảng dạy ngoại ngữ tiếng Pháp.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Ngôn ngữ học đối chiếu : những nét tổng quát		
1.1. Ngôn ngữ học đối chiếu là gì ?	1	4.1.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2. Lược sử quá trình hình thành và phát triển của	1	

ngôn ngữ học đối chiếu			
1.3 Phạm vi ứng dụng của NNHĐC	1		
Chương 2. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ			
2.1. Các nguyên tắc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	2	4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2	
2.2. Các phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	2		
Chương 3. Các bình diện nghiên cứu đối chiếu			
3.1. Nghiên cứu đối chiếu ngữ âm	2	4.2.1; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2	
3.2. Nghiên cứu đối chiếu từ vựng	2		
3.3. Nghiên cứu đối chiếu ngữ pháp	2		
3.4. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ dụng và các bình diện khác	2		
Chương 4. Ngôn ngữ học đối chiếu và lĩnh vực dạy học ngoại ngữ			
4.1. Khái niệm erreur, interference, interlangue	2	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2	
4.2. Phương pháp dạy học tích hợp và đóng góp của NNHĐC	2		

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Ngôn ngữ học đối chiếu : những nét tổng quát			
1.1. Ngôn ngữ học đối chiếu là gì ?		1	4.1.1; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
1.2. Lược sử quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu		1	
1.3 Phạm vi ứng dụng của NNHĐC		1	
Chương 2. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ			
2.1. Các nguyên tắc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ		1	4.1.2; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
2.2. Các phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ		2	
Chương 3. Các bình diện nghiên cứu đối chiếu			
3.1. Nghiên cứu đối chiếu ngữ âm		2	4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1,

			4.3.2
3.2.	Nghiên cứu đối chiếu từ vựng	2	
3.3.	Nghiên cứu đối chiếu ngữ pháp	2	
3.4.	Nghiên cứu đối chiếu về ngữ dụng và các bình diện khác	2	
Chương 4. Ngôn ngữ học đối chiếu và lĩnh vực dạy học ngoại ngữ			
4.1.	Khái niệm erreur, interference, interlangue	2	4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3 ; 4.3.1, 4.3.2
4.2.	Phương pháp dạy học tích hợp và đóng góp của NNHDC	2	

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận nhóm
- Thực hành cá nhân và theo nhóm

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự 80% tiết lý thuyết Tham dự 100% tiết thực hành	10%	4.3.2
2	Điểm bài tập	3 bài tập đã làm/5 bài tập được giao	10%	4.1.1 đến 4.3.2
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo : 04 - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	4.1.1 đến 4.3.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Lê Quang Thiêm (2008). <i>Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	414 / Th304
[2] Cao Xuân Hạo (2005). <i>Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu Anh – Việt và Việt - Anh</i> , NXB Khoa học xã hội	423 / H108
[3] Lê Quang Thiêm (2008). <i>Ngữ nghĩa học</i> , NXB Giáo dục	495.9228 / Th304

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 3	Chương 1	3	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
3 - 7	Chương 2	10	2	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
7 - 11	Chương 3	4	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
11 - 14	Chương 4	2	8	Nghiên cứu trước tài liệu nội dung sẽ học Thực hiện bài tập thực hành nhóm
15	Ôn tập và thi kết thúc học phần	1	0	Ôn lại toàn bộ nội dung đã học trong học phần

Cần Thơ, ngày 20 tháng 9 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



Trịnh Quốc Lập

(Handwritten signature)
Võ Văn Cường